

Bản án số: **14/2020/HS-ST**
Ngày 13 tháng 8 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Hồ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào-Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2020/TLST-HS, ngày 03 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N; Sinh ngày 30/7/1998; Nơi cư trú: ấp T, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị X; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 29/01/2020 đến ngày 04/02/2020 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Cao Minh G; Sinh ngày 20/01/1988; Nơi cư trú: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Minh H và bà Trương Thị L; Có vợ tên Đặng Cà T1 (Q) và 01 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 29/01/2020 đến ngày 04/02/2020 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đặng Cà T1 (Q), sinh năm 1988, trú tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Cao Thị Mộng T2, sinh năm 1994, trú tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Cao Minh H, sinh năm 1965, trú tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người tham gia tố tụng khác:

- Lê Văn T3, sinh năm 1984, là người làm chứng
- Đặng Văn M, sinh năm 1981, là người làm chứng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 28/01/2020, N dùng điện thoại di động nhắn tin cho G nhờ mua dùm 400.000 đồng ma túy để sử dụng thì G đồng ý. Đến khoảng 07 giờ ngày 29/01/2020, G điện thoại cho Huỳnh Văn P, sinh năm 1991, ngụ ấp G, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để mua ma túy với số tiền 400.000 đồng, P hẹn giao ma túy cho G ở Công viên chợ T, nên G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64T2-00XX đến điểm hẹn và vào quán cà phê chờ, được khoảng 15 phút, có hai nam thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ) đi xe mô tô đến, người ngồi phía sau đưa bao thuốc lá hiệu JET bên trong có chứa ma túy cho G và nhận lấy 400.000 đồng từ G đưa, rồi hai người thanh niên điều khiển xe bỏ đi. Mua được ma túy, G cất giấu vào túi áo khoác rồi điều khiển xe đi xuống phà T để đến thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Khi đến thị trấn A, G điện thoại cho N hỏi đưa ma túy ở đâu thì N kêu G đến căn chòi của N, G biết căn chòi này (do trước đây, G có mua dùm và đưa ma túy cho N một lần tại đây), căn chòi ở sau khu vườn của ông Nguyễn Văn M (là cậu ruột của N) thuộc ấp T, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Trên đường đi, G lấy gói ma túy ra khỏi bao thuốc lá, cất gói ma túy vào trong túi áo khoác và vứt bỏ bao thuốc lá ven đường. Khi đến căn chòi đã hẹn, G chờ khoảng hai phút thì N đến; G lấy gói ma túy đưa cho N nhận lấy, sau đó G đi ra phía sau chòi, N mở cửa vào chòi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy, rồi dùng kéo cắt gói ma túy đổ vào trong chiếc nỏ thủy tinh và lấy hột quạt gas đốt bên dưới ống nỏ. Lúc này, N bị ông M và ông Lê Văn T3 phát hiện N đang sử dụng ma túy nên giữ N và G lại, đồng thời trình báo đến Công an thị trấn A. Công an thị trấn A tiếp nhận lập biên bản phạm tội quả tang, tạm giữ và niêm phong tang vật là một ống nỏ thủy tinh hình móc câu, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy và mời G, N về cơ quan làm việc, sau đó chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết. Tại Cơ quan điều tra, N và G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng thu giữ: 01 ống nỏ thủy tinh (hình móc câu, ống tròn) bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy; 01 chai nhựa; 02 nắp chai; 01 ống hút nhựa; 01 cây kéo (bằng kim loại); 02 quạt gas; 01 xe mô tô (màu đen, nhãn hiệu SUFAT, biển kiểm soát 64T2-00XX, đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu OPPO R7 (màu vàng đồng, đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI (màu đen, đã qua sử dụng) và số tiền 650.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 09/GĐMT-PC09, ngày 31/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng xác định:

“Mẫu chất rắn màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1601 gam, loại Methamphetamine”. Cơ quan giám định đã hoàn lại đối

tượng sau giám định là 0,1340 gam chất rắn màu trắng trong gói niêm phong và 01 ống nhỏ thủy tinh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định; đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản Cáo trạng số 16/CT-VKSND-HKS, ngày 02/7/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Cao Minh G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của từng bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, các Điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Cao Minh G, xử phạt mỗi bị cáo với mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật, cụ thể là đối với gói ma túy và dụng cụ dùng để sử dụng ma túy thì tịch thu tiêu hủy, đối với các tài sản khác thì trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với đối tượng Huỳnh Văn P, sinh năm 1991, ngụ ấp G, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là người mà bị cáo G khai nhận đã bán ma túy cho bị cáo, qua xác minh hiện nay ông P đã bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Lời nói sau cùng của các bị cáo là đã thấy được hành vi của mình trong việc tàng trữ và sử dụng chất ma túy là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; cụ thể là các bị cáo N và G thừa nhận đã tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng (trọng lượng) 0,1601 gam Methamphetamine để sử dụng, đã bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Xét thấy các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật; chất ma túy mà bị cáo tàng trữ trái phép để sử dụng là Methamphetamine, chất này thuộc Danh mục II (*Danh mục các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm*

nghiêm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền) ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến những quy định độc quyền của nhà nước về quản lý chất ma túy và gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương; đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo N và G đều là người thực hành. Vì vậy, việc Viện Kiểm sát truy tố ra trước Tòa án để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N và Cao Minh G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

... Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;... ”.

[3] Nhận định về việc áp dụng hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội là cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội và đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật của bị cáo và những người khác nói chung để đảm bảo trật tự an ninh, an toàn xã hội ở địa phương; tuy nhiên cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo để áp dụng và giảm một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu, cụ thể là:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng. Trước khi phạm tội, bị cáo sống với bà ngoại và người cậu, cha mẹ bị cáo đi làm ăn xa và bị cáo chưa có vợ con, công việc hàng ngày của bị cáo là phụ giúp làm vườn và mua bán với gia đình, việc học hành của bị cáo chưa được đến nơi đến chốn; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt là 01 năm 03 tháng tù.

- Đối với bị cáo Cao Minh G: Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng; bản thân bị cáo học hành chưa đến nơi đến chốn, hoàn cảnh kinh tế gia đình còn khó khăn; bị cáo có ông bà là người thân có công với nước; ngoài ra, gia đình của bị cáo cho biết bị cáo có lần bị tai nạn giao thông nên phần nào cũng bị ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và làm chủ hành vi; sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt là 01 năm 03 tháng tù.

[4] Về vật chứng đang được thu giữ, tạm giữ cần được xử lý như sau:

- Đối với 01 ống nỏ thủy tinh bên trong có chứa chất được giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng còn lại sau giám định là 0,134 gam và các dụng cụ để sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, 02 nắp chai, 01 ống hút nhựa, 01 cây kéo kim loại và 02 quạt gas, căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 64T2-00XX do bị cáo Cao Minh G đứng tên chủ sở hữu, xét thấy tài sản này không phải là công cụ phương tiện phạm tội trong vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo G.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO R7 (màu vàng đồng) của bị cáo Cao Minh G sử dụng, qua làm việc cho thấy chiếc điện thoại này của chủ sở hữu là bà Cao Thị Mộng T2 (là em của bị cáo G) cho bị cáo G mượn sử dụng tạm, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho chủ sở hữu là bà T2.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI (màu đen) của bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng và vừa là chủ sở hữu, xét thấy đây không phải là công cụ phương tiện phạm tội, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo N.

- Đối với số tiền 650.000 đồng được thu giữ trên người của bị cáo Cao Minh G lúc phạm tội, xét thấy đây không phải là do phạm tội mà có, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo G.

[5] Về án phí: Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, các Điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 01 năm 2020.

2. Tuyên bố bị cáo Cao Minh G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, các Điều 17, 38, 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Minh G 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 01 năm 2020.

3. Về xử lý vật chứng (theo biên bản giao vật chứng, tài sản ngày 24/02/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K):

3.1. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 ống nỏ thủy tinh bên trong có chứa chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,134 gam và các dụng cụ để sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa, 02 nắp chai, 01 ống hút nhựa, 01 cây kéo kim loại và 02 quẹt gas.

3.2. Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 và khoản 4 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 64T2-00XX do Cao Minh G đứng tên chủ sở hữu và số tiền 650.000 đồng cho bị cáo Cao Minh G; trả lại 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI (màu đen) cho bị cáo Nguyễn Văn N; trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO R7 (màu vàng đồng) cho bà Cao Thị Mộng T2.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; buộc bị cáo Cao Minh G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, theo quy định tại các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo và đương sự trong vụ án;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu